## ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



## BÁO CÁO ĐỒ ÁN CUỐI KÌ

**Giảng viên:** Phạm Hoàng Hải

Thông tin thành viên: 21120543 – Nguyễn Đặng Quốc

21120560 – Nguyễn Đức Thiện

21120561 – Bùi Đức Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024 Lập trình ứng dụng di động nâng cao

## 

### **Contents**

1	Phân chia công việc, tỉ lệ điểm	4
2	Kết quả sản phẩm	5
3	Các kỹ thuật đã sử dụng	.25

# 1

## Phân chia công việc, tỉ lệ điểm

### a. Tỉ lệ điểm

MSSV	Họ tên	Vai trò	Tỉ lệ điểm
21120543	Nguyễn Đặng Quốc	Thành viên	100%
21120560	Nguyễn Đức Thiện	Nhóm trưởng	100%
21120561	Bùi Đức Thịnh	Thành viên	100%

#### b. Milestone 1

MSSV	Họ tên	Liên lạc
21120543	Nguyễn Đặng Quốc	Mockup UI trang đăng nhập, đăng ký, logo, màn hình splash, Mockup UI cho toàn bộ phần 6 (Quản lý và sử dụng Prompt)
21120560	Nguyễn Đức Thiện	Mockup UI cho toàn bộ phần 3 (AI Chat), Nâng cấp tài khoản Mockup UI cho toàn bộ phần 8 (Hỏi đáp trên ảnh), 9 (Soạn email với AI)
21120561	Bùi Đức Thịnh	Mockup UI cho toàn bộ phần 4 (Tạo và quản lý AI BOT), màn hình Account Mockup UI cho toàn bộ phần 5 (Tạo bộ dữ liệu tri thức)

#### c. Milestone 2

MSSV	Họ tên	Liên lạc
21120543	Nguyễn Đặng Quốc	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 6 (Quản lý và sử dụng Prompt)
21120560	Nguyễn Đức Thiện	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 3 (AI Chat)
21120561	Bùi Đức Thịnh	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 2 (Xác thực và phân quyền)

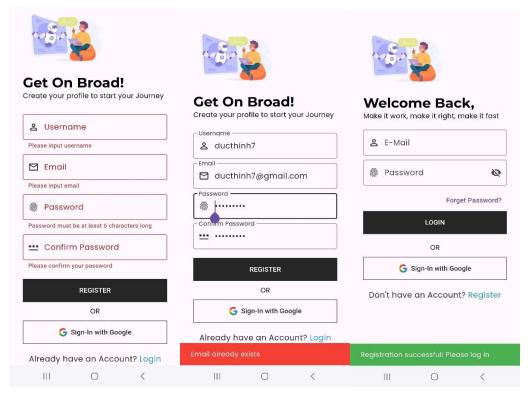
#### d. Milestone 3

MSSV	Họ tên	Liên lạc
21120543	Nguyễn Đặng Quốc	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 4 (Tạo và quản lý AI Bot)
21120560 Nguyễn Đức Thiện	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 7 (Nâng cấp tài khoản lên pro & Monetization), phần 8 (Hỏi đáp trên ảnh), phần 9 (Soạn email với AI), publish store	
21120561	Bùi Đức Thịnh	Xây dựng hoàn thiện có kết nối API phần 5 (Tạo bộ dữ liệu tri thức), sử dụng google Analytics

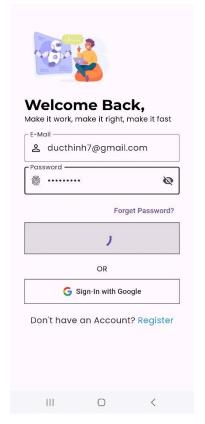
# Z Kết quả sản phẩm

#### a. Xác thực và phân quyền

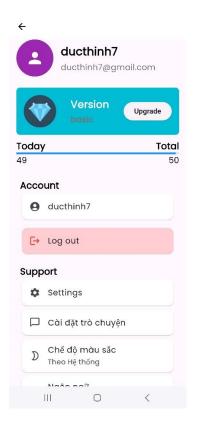
 Đăng ký tài khoản, kiểm tra các ràng buộc về tên đăng nhập, email, mật khẩu nhập lại,...



Đăng nhập hệ thông với tài khoản đã tạo

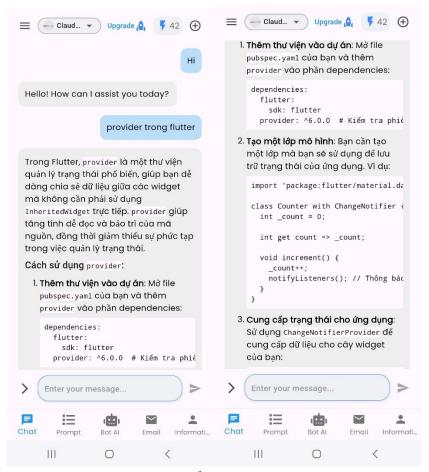


Đăng xuất tài khoản

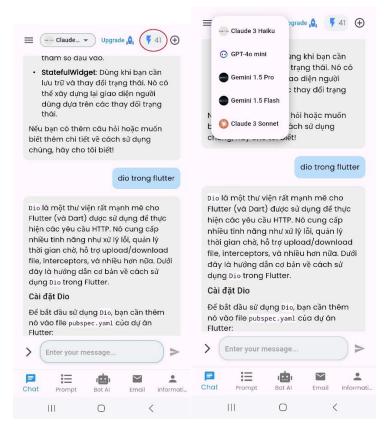


#### b. AI Chat

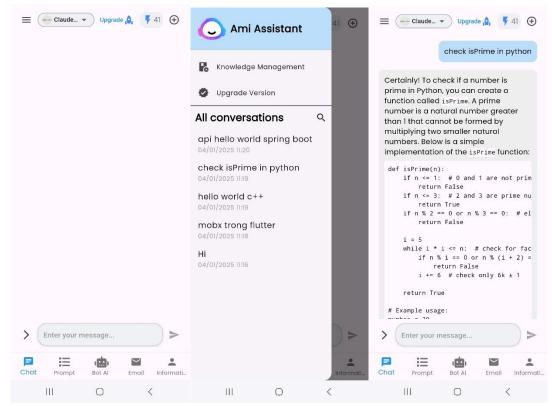
Hiển thị nội dung chat, chat với AI chat bot



Giảm số lượng token khi chat, thay đổi AI Agent

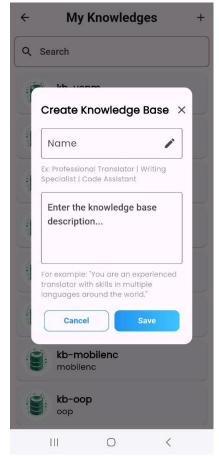


• Tạo thread chat mới, xem danh sách lịch sử threadchat, mở lịch sử chat

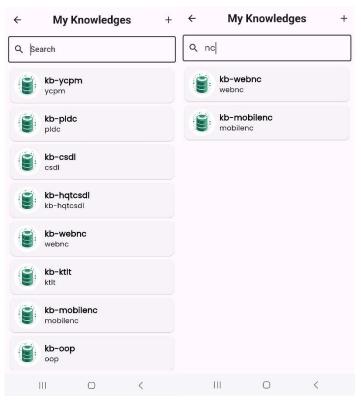


#### c. Tạo bộ dữ liệu tri thức

• Thêm bộ dữ liệu tri thức



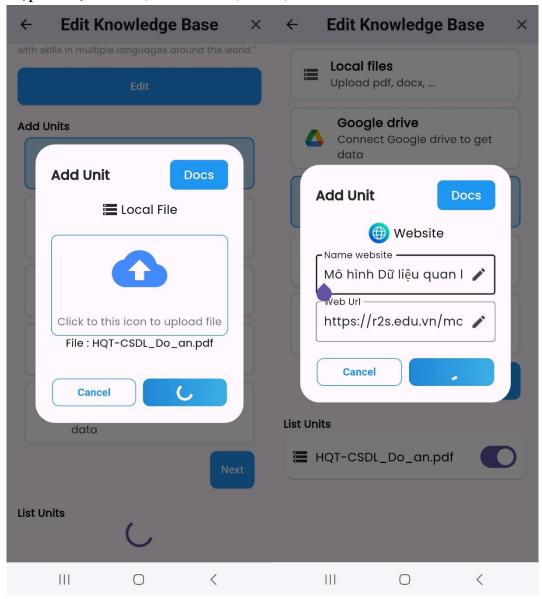
• Hiển thị, tìm kiếm bộ dữ liệu

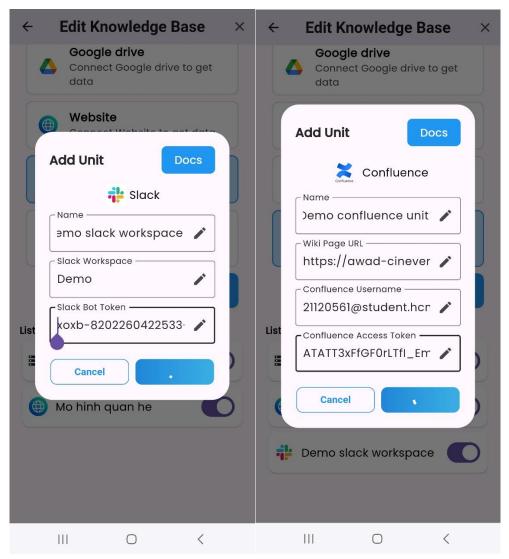


Disable/delete nguồn dữ liệu

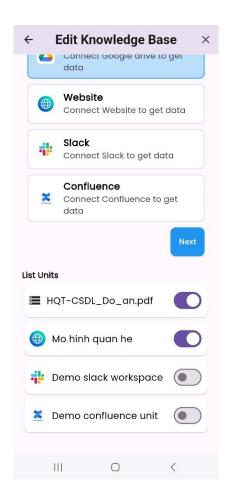


Nạp dữ liệu từ file, url website, slack, confluence



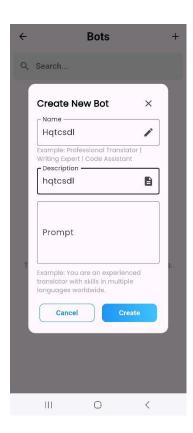


• Danh sách các unit, enable/disable unit của knowledgebase

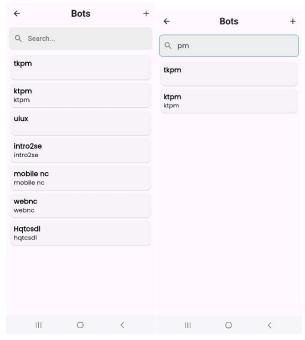


#### d. Tạo và quản lý AI Bot

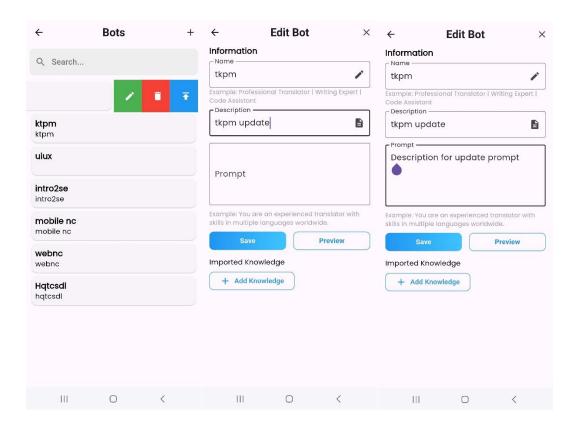
• Tạo AI Bot



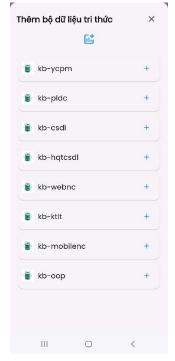
• Hiển thị, tìm kiểm AI Bot

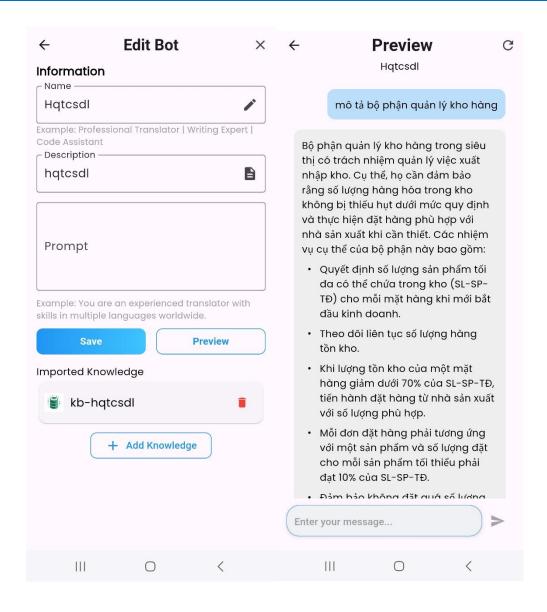


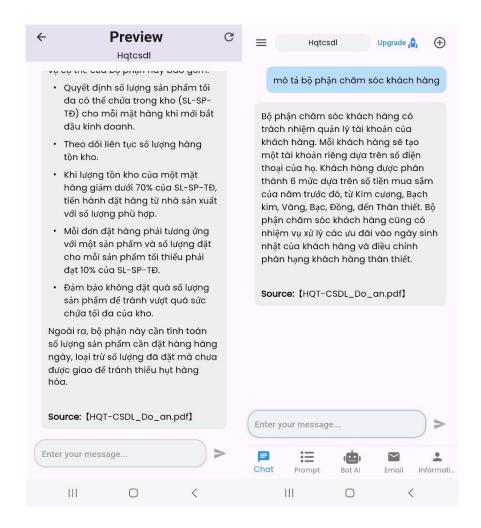
Cập nhật, xoá AI Bot



• Thêm, xoá dữ liệu tri thức vào AI Bot, Preview, Giao tiếp AI Bot đã tạo

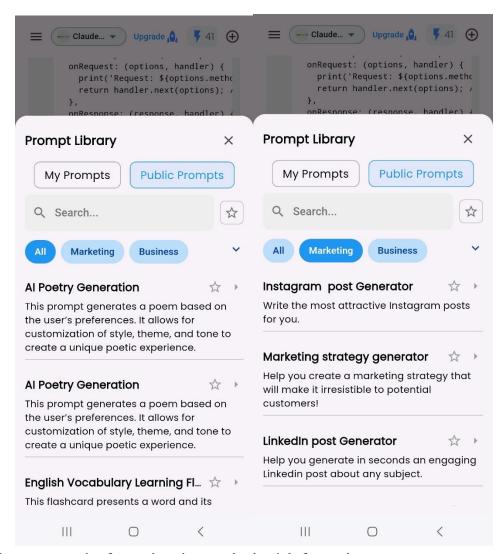




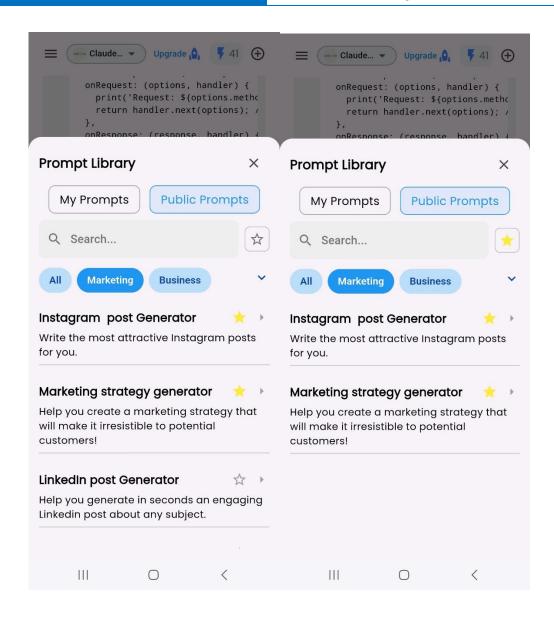


#### e. Quản lý và sử dụng prompt

• Hiển thị và tìm kiếm public prompt, lọc prompt theo category



Thêm prompt vào favourite và xem danh sách favourite



Cancel

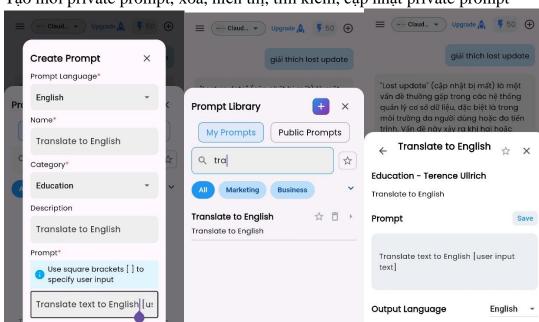
0

<

Ш

user input text

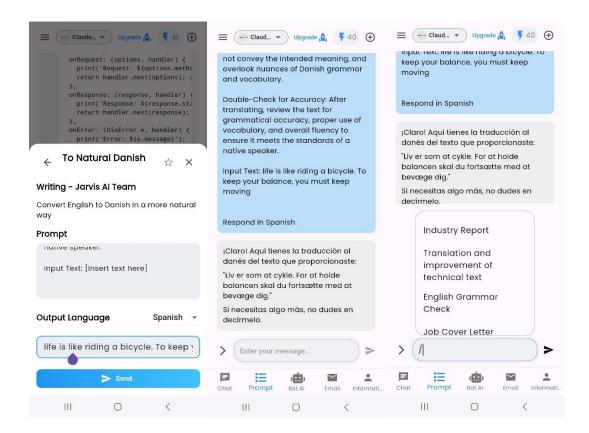
0



• Tạo mới private prompt, xoá, hiển thị, tìm kiếm, cập nhật private prompt

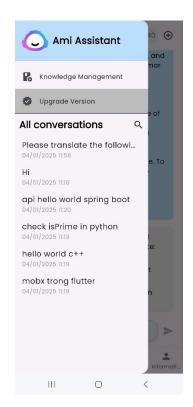
• Sử dụng prompt trong library, sử dụng nhanh prompt trong chat với splash (/)

Ш

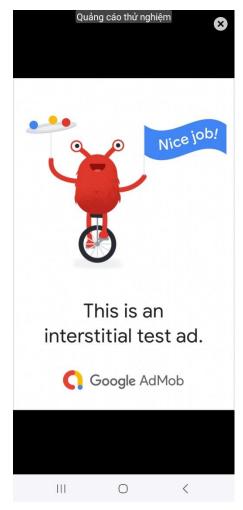


#### f. Nâng cấp tài khoản

Nâng cấp tài khoản

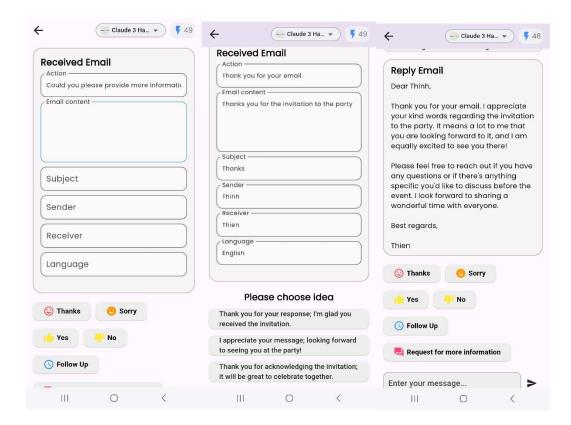


• Gắn code quảng cáo

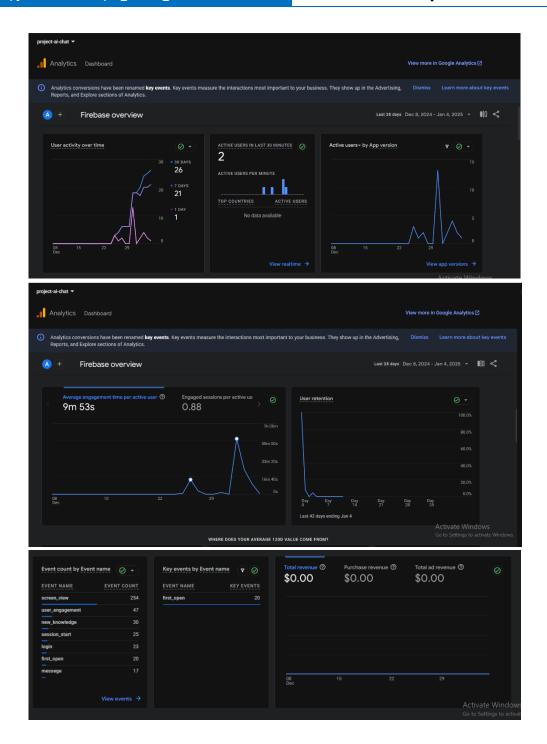


#### g. Soạn Email với AI

• Tạo tab riêng cho soạn theo email, Thêm các AI actions để tạo draft email



#### h. Google Analytics



3

## Các kỹ thuật đã sử dụng

1. Sử dụng mô hình MVVM

- Model: Chứa các lớp dữ liệu và logic liên quan đến dữ liệu.
- View: Chứa các widget giao diện người dùng.
- ViewModel: Chứa logic nghiệp vụ và quản lý trạng thái cho View. ViewModel sẽ tương tác với Model và cung cấp dữ liệu cho View.

#### 2. State Management

• Sử dụng Provider để quản lý trạng thái của ứng dụng, cho phép chia sẻ dữ liệu giữa các widget mà không cần phải truyền qua constructor.

#### 3. Networking

- Sử dụng Dio để thực hiện các yêu cầu HTTP, bao gồm GET, POST, PUT, DELETE.
- Sử dụng interceptor để xử lý các yêu cầu và phản hồi, bao gồm việc thêm token xác thực vào header.

#### 4. Asynchronous Programming

 Sử dụng async và await để xử lý các tác vụ bất đồng bộ, như gọi API và tải dữ liêu.

#### 5. User Interface Design

- Sử dụng các widget như Scaffold, AppBar, BottomNavigationBar, và Drawer để xây dựng giao diện người dùng.
- Sử dụng ListView, GridView, và các widget tương tác khác để hiển thị danh sách và cho phép người dùng tương tác.

#### 6. Local Storage

• Sử dụng SharedPreferences để lưu trữ thông tin người dùng và token xác thực.

#### 7. Ad Integration

• Tích hợp quảng cáo thông qua google\_mobile\_ads để hiển thị quảng cáo trong ứng dụng.

#### 8. Markdown Rendering

• Sử dụng Markdown để hiển thị nội dung tin nhắn với định dạng phong phú.

#### 9. Animation

• Sử dụng animation ở màn hình Splash screen tạo hiệu ứng giúp tăng sự thu hút và hiệu quả cho trải nghiệm của người dùng.

#### 10. Google Analytics

• Sử dụng công cụ giúp theo dõi hành vi người dùng, tương tác trong ứng dụng và thu thập dữ liệu hữu ích để cải thiện sản phẩm.